*Cơ sở đào tạo:* ***Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội***
*Địa chỉ: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội*
*Điện thoại: 02438533780*

# ĐĂNG KÝ THÔNG TIN VỀ CTĐT VÀ KẾ HOẠCH TUYỂN SINH LÊN HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2026

**Kế hoạch tuyển sinh đào tạo trong nước**

| TT | Mã ngành, nghề đào tạo | Tên ngành, nghề đào tạo | Trình độ đào tạo | Chỉ tiêu được cấp/ SL tự xác định | Kế hoạch tuyển sinh | | | | | Phương thức tuyển sinh | Địa điểm đào tạo | Mục tiêu chương trình | Chuẩn đầu ra |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng cộng | Chính quy | Liên thông | Liên kết trong nước | ĐT từ xa/ Kết hợp trực tiếp và từ xa | | | | |
| 1 | 6810103 | Hướng dẫn du lịch | Cao đẳng | 30 | 30 | 30 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu CĐ HDDl.pdf | CĐR CĐ HD du lịch.pdf |
| | 5810103 | | Trung cấp | 30 | 30 | 30 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC HDDl.pdf | CĐR TC HD du lịch.pdf |
| 2 | 6520227 | Điện công nghiệp | Cao đẳng | 275 | 275 | 254 | 21 | — | — | Xét tuyển | Phân hiệu/ cơ sở 2: 32 Trung Văn, Đại Mỗ, Hà Nội | CĐR ĐCN CAO ĐẲNG.pdf | CẬP NHẬT CHUẨN ĐẦU RA 2023 NGHỀ ĐCN CAO ĐẲNG.pdf |
| | — | | CTĐT khác | 2 | 2 | 2 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | 6. MT Dien cong nghiep-đã nén.pdf | 6. CĐR Dien cong nghiep-đã nén.pdf |
| | 5520227 | | Trung cấp | 20 | 20 | 20 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | CĐR ĐCN TRUNG CẤP.pdf | CẬP NHẬT CHUẨN ĐẦU RA 2023 NGHỀ ĐCN TRUNG CẤP.pdf |
| 3 | 5520264 | Tự động hóa công nghiệp | Trung cấp | 25 | 25 | 25 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC TĐH.pdf | CĐR TRUNG CẤP TĐH.pdf |
| 4 | 5520205 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | Trung cấp | 20 | 20 | 20 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC KTML.pdf | CĐR TC MLDHKK.pdf |
| | — | | CTĐT khác | 1 | 1 | 1 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | 7. MT Dien lanh_compressed.pdf | 7. CĐR Dien lanh_compressed.pdf |
| | 6520205 | | Cao đẳng | 105 | 105 | 93 | 12 | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu CĐ KTML.pdf | CĐR CĐ MLDHKK.pdf |
| 5 | 5810207 | Kỹ thuật chế biến món ăn | Trung cấp | 60 | 60 | 58 | 2 | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC CBMA.pdf | CĐR TC KTCBMA.pdf |
| | — | | CTĐT khác | 104 | 104 | 104 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu DTTX lam banh.pdf | CĐR DTTX Lam bánh.pdf |
| 6 | 6510216 | Công nghệ ô tô | Cao đẳng | 625 | 625 | 604 | 21 | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu CĐ o to.pdf | CĐRCN Ô TÔ CĐ.pdf |
| 7 | 6510304 | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | Cao đẳng | 125 | 125 | 125 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu CĐ ky thuat co dien tu.pdf | muc tieu CĐ ky thuat co dien tu.pdf |
| 8 | 6220212 | Tiếng Nhật | Cao đẳng | 50 | 50 | 50 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu CĐ Tieng Nhat.pdf | CĐR Tieng Nhat.pdf |
| 9 | 6510201 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | Cao đẳng | 150 | 150 | 150 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu CĐ CNKTCK.pdf | CĐR Cong nghe ky thuat co khi - CĐ.pdf |
| 10 | 5480104 | Truyền thông và mạng máy tính | Trung cấp | 25 | 25 | 25 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | Muc tieu TC Truyen thong va mang may tinh.pdf | TT__MMT_TC.pdf |
| 11 | — | Kỹ thuật chăm sóc tóc | CTĐT khác | 12 | 12 | 12 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu ĐTTX toc.pdf | CĐR ĐTTX TOC.pdf |
| | 5810403 | | Trung cấp | 25 | 25 | 25 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC toc.pdf | CĐR kỹ thuật chăm sóc tóc.pdf |
| 12 | 6220211 | Tiếng Hàn Quốc | Cao đẳng | 50 | 50 | 50 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu CĐ Tieng Han Quoc.pdf | CĐR Tieng Han.pdf |
| 13 | 6810404 | Chăm sóc sắc đẹp | Cao đẳng | 25 | 25 | 25 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu CĐ CSSD.pdf | CĐR CĐ CSSD.pdf |
| | — | | CTĐT khác | 552 | 552 | 552 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu ĐTTX CSD co ban.pdf | muc tieu ĐTTX CSD co ban.pdf |
| | 5810404 | | Trung cấp | 85 | 85 | 85 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC CSSD.pdf | CĐR Trung cap CSSD.pdf |
| 14 | 6810207 | Kỹ thuật chế biến món ăn | Cao đẳng | 75 | 75 | 66 | 9 | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu CĐ CBMA.pdf | CĐR CĐ KTCBMA.pdf |
| 15 | 6520225 | Điện tử công nghiệp | Cao đẳng | 120 | 120 | 120 | — | — | — | Xét tuyển | Phân hiệu/ cơ sở 2: 32 Trung Văn, Đại Mỗ, Hà Nội | muc tieu CĐ ĐTCN.pdf | CĐR CĐ ĐTCN.pdf |
| 16 | 6520264 | Tự động hóa công nghiệp | Cao đẳng | 220 | 220 | 217 | 3 | — | — | Xét tuyển | Phân hiệu/ cơ sở 2: 32 Trung Văn, Đại Mỗ, Hà Nội | muc tieu CĐ TĐHCN.pdf | CĐR CĐ TĐHCN.pdf |
| 17 | 5510201 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | Trung cấp | 25 | 25 | 25 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC CNKTCK.pdf | CĐR Cong nghe ky thuat co khi - TC.pdf |
| 18 | 6480202 | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | Cao đẳng | 100 | 100 | 69 | 31 | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | Muc tieu CĐ CNTT.pdf | CNTT(UDPM)_CĐ.pdf |
| 19 | 6510314 | Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà | Cao đẳng | 25 | 25 | 25 | — | — | — | Xét tuyển | Phân hiệu/ cơ sở 2: 32 Trung Văn, Đại Mỗ, Hà Nội | muc tieu CĐ CN dien tu và NLTN.pdf | CĐR CĐ Năng lượng tòa nhà.pdf |
| | 5510314 | | Trung cấp | 25 | 25 | 25 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC ĐT và NLTN.pdf | CĐR TC năng lượng tòa nhà.pdf |
| 20 | 5510217 | Công nghệ hàn | Trung cấp | 30 | 30 | 30 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC han-đã nén.pdf | CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TC cn hàn-đã nén.pdf |
| 21 | 5510216 | Công nghệ ô tô | Trung cấp | 30 | 30 | 29 | 1 | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC o to.pdf | CĐR CN Ô TÔ TC.pdf |
| | — | | CTĐT khác | 9 | 9 | 9 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | 14. MT Son vat lieu composite và kim loai_compressed.pdf | 14. CĐR Son vat lieu composite và kim loai_compressed.pdf |
| 22 | 6320106 | Truyền thông đa phương tiện | Cao đẳng | 30 | 30 | 30 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu CĐ Truyen thong da phuong tien.pdf | CĐR CĐ truyền thông ĐPT.pdf |
| 23 | 6210402 | Thiết kế đồ họa | Cao đẳng | 105 | 105 | 86 | 19 | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC Thiet ke do hoa.pdf | chuan dau ra Do hoa- CĐ.pdf |
| | 5210402 | | Trung cấp | 40 | 40 | 40 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC Thiet ke do hoa.pdf | chuan dau ra Do hoa- CĐ.pdf |
| | — | | CTĐT khác | 20 | 20 | 20 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu DTTX TKDH 2D.pdf | CĐR DTTX TKDH 2D.pdf |
| 24 | 5810101 | Du lịch lữ hành | Trung cấp | 50 | 50 | 50 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | muc tieu TC DLLH.pdf | CĐR TC DLLH.pdf |

| TT | Mã ngành, nghề đào tạo | Tên ngành, nghề đào tạo | Trình độ đào tạo | Chỉ tiêu được cấp/ SL tự xác định | Kế hoạch tuyển sinh | | | | | Phương thức tuyển sinh | Địa điểm đào tạo | Mục tiêu chương trình | Chuẩn đầu ra |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng cộng | Chính quy | Liên thông | Liên kết trong nước | ĐT từ xa/ Kết hợp trực tiếp và từ xa | | | | |
| 25 | 6340302 | Kế toán doanh nghiệp | Cao đẳng | 25 | 25 | 24 | 1 | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | mục tiêu CĐ KTDN.pdf | CDR CĐ Kế toán.pdf |
| | 5340302 | | Trung cấp | 30 | 30 | 30 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | mục tiêu TC KTDN.pdf | CDR TC kế toán DN.pdf |
| 26 | — | Kỹ thuật lập trình, gia công trên máy CNC | CTĐT khác | 8 | 8 | 8 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | 2. MT Cong nghe lam khuon và gia cong composite-đã nén.pdf | 2. CDR Cong nghe lam khuon và gia cong composite-đã nén.pdf |
| | 6520197 | | Cao đẳng | 25 | 25 | 25 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | mục tiêu CĐ CNC.pdf | CDR CĐ CNC.pdf |
| 27 | 6220209 | Tiếng Trung Quốc | Cao đẳng | 50 | 50 | 50 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | mục tiêu CĐ Tieng Trung Quoc.pdf | CDR CĐ Tieng Trung.pdf |
| 28 | 6510303 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | Cao đẳng | 165 | 165 | 165 | — | — | — | Xét tuyển | Phân hiệu/ cơ sở 2: 32 Trung Văn, Đại Mỗ, Hà Nội | mục tiêu CĐ CNKTD-ĐT.pdf | CDR CĐ Điện điện tử.pdf |
| 29 | 6520121 | Cắt gọt kim loại | Cao đẳng | 20 | 20 | 20 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | mục tiêu CĐ Cat got KL.pdf | CDR CĐ Cắt gọt KL.pdf |
| 30 | 6480207 | Lập trình máy tính | Cao đẳng | 25 | 25 | 25 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | mục tiêu CĐ LTMT.pdf | CDR CĐ Lập trình MT.pdf |
| 31 | 5520263 | Cơ điện tử | Trung cấp | 25 | 25 | 25 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | mục tiêu TC CDT.pdf | CDR TC CDT.pdf |
| 32 | 5480202 | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | Trung cấp | 100 | 100 | 100 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | mục tiêu TC CNTT.pdf | CDR TC CNTT.pdf |
| 33 | 5520121 | Cắt gọt kim loại | Trung cấp | 20 | 20 | 20 | — | — | — | Xét tuyển | Trụ sở chính: 131 Thai Thịnh, Đống Đa, Hà Nội | mục tiêu TC Cat got KL.pdf | CDR TC Cat gọt kl.pdf |
| | | | **Tổng cộng** | **3793** | **3673** | **120** | **—** | **—** | | | | | |

**Kế hoạch tuyển sinh chương trình liên kết nước ngoài**

| TT | Tên cơ sở đối tác liên kết | Địa chỉ | Pháp lý của cơ sở đối tác | Pháp lý về CTĐT liên kết | Hợp đồng/thỏa thuận liên kết | Tên nghề liên kết đào tạo | Trình độ đào tạo | Hình thức đào tạo | Số lượng tuyển sinh | Văn bằng/chứng chỉ được cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trường Đại học kỹ thuật nghề nghiệp Nam Ninh | số 169, đường Đại học Tây, quậnTây Hương Đường, thành phố Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc | 3.4. CV thành lập Đại học NN Nam Ninh_0001.pdf | 9.1. QĐ 1186 vv ban hành chương trình đào tạo năm 2024 - lần 4.pdf | 5. Hợp đồng liên kết đào tạo HN-TQ-compressed.pdf | Điện tử công nghiệp | Cao đẳng | Trực tiếp | 25 | Bằng tốt nghiệp |
| 2 | Trường Đại học kỹ thuật nghề nghiệp Nam Ninh | số 169, đường Đại học Tây, quậnTây Hương Đường, thành phố Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc | 5.1. CV thành lập Đại học NN Nam Ninh_0001.pdf | QĐ 671 vv ban hành chương trình đạo năm 2026, lần 2.pdf | 3. HĐ liên kết ĐHKKNN Nam Ninh-compressed.pdf | Công nghệ ô tô | Cao đẳng | Trực tiếp | 50 | Bằng tốt nghiệp |

**Người lập biểu**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Lê Văn Kỳ

**Hiệu trưởng/Giám đốc**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Phạm Thị Hường